



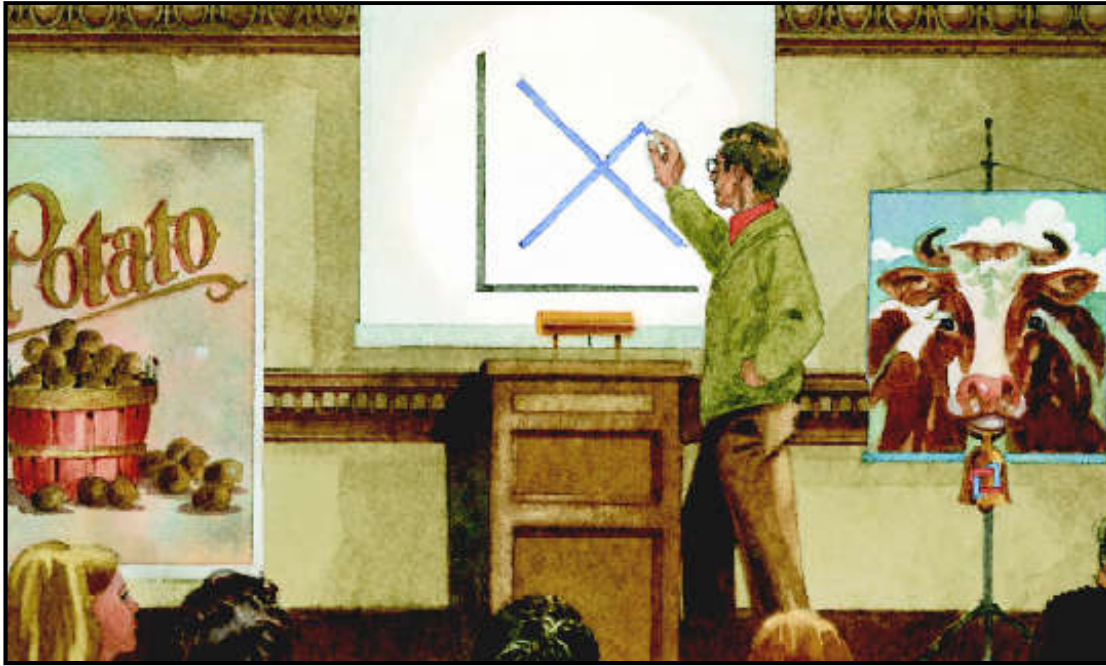
# Kinh tế vĩ mô

Ths. Vũ Thị Hải Anh  
Khoa Kinh tế Quốc tế

# ***Chương VI***

## ***Tổng cầu và chính sách tài khóa***





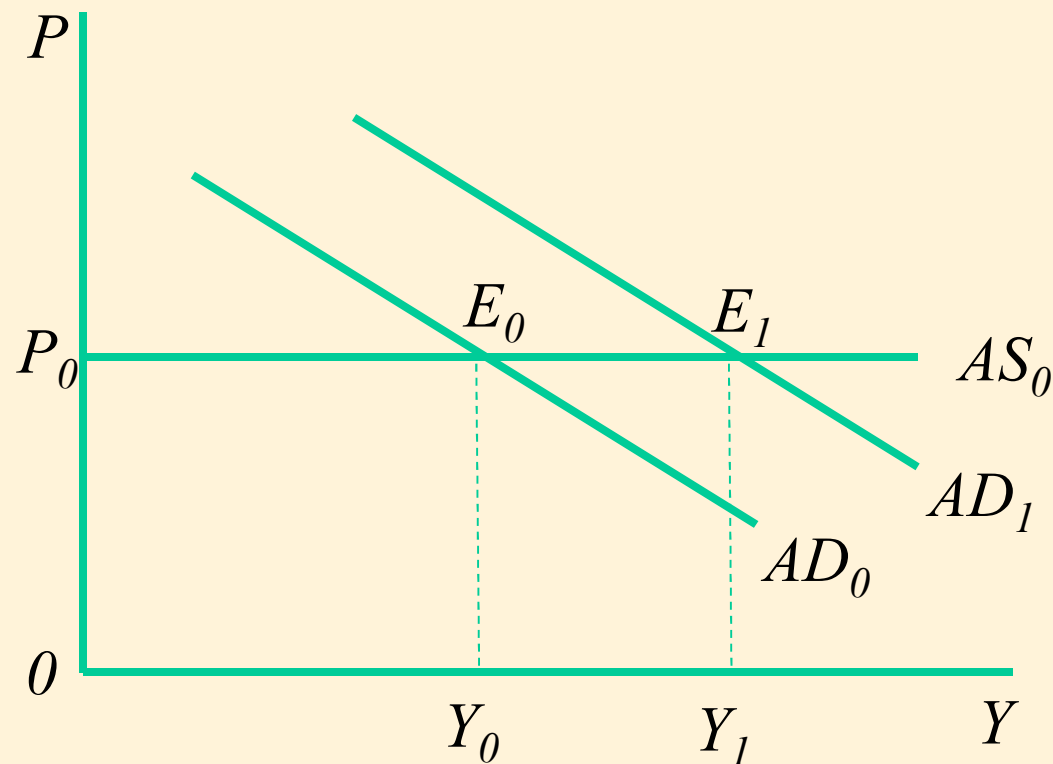
# Tổng cầu và chính sách tài khóa

# Tổng cầu và chính sách tài khóa

1. Mô hình giao điểm Keynes
2. Mô hình xác định sản lượng cho nền kinh tế giản đơn
3. Mô hình xác định sản lượng cho nền kinh tế đóng có chính phủ
4. Mô hình xác định sản lượng cho nền kinh tế mở
5. Chính sách tài khóa

# 1. Mô hình giao điểm Keynes

- Nền kinh tế có nhiều nguồn lực chưa được sử dụng: đường tổng cung nằm ngang



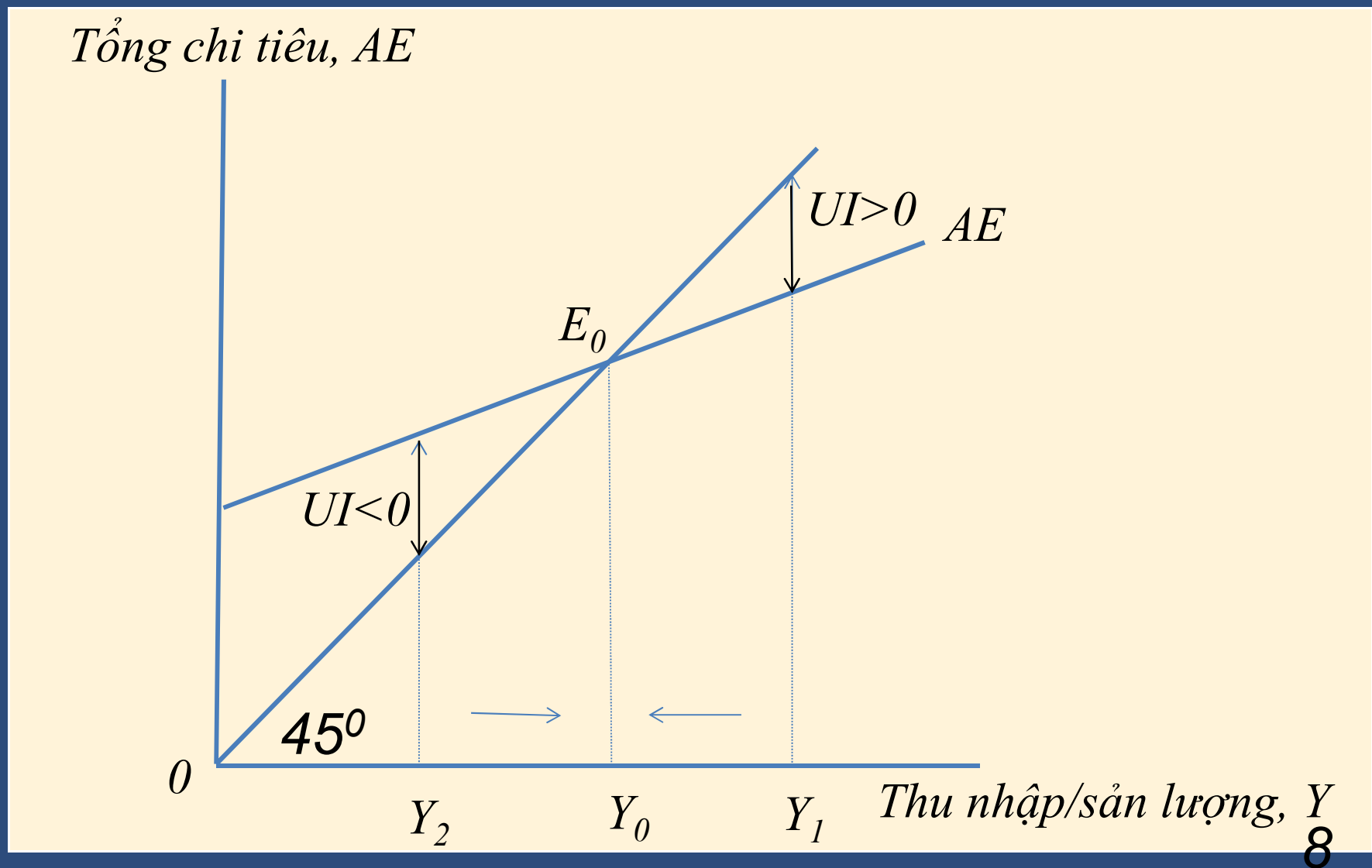
# 1. Mô hình giao điểm Keynes

- Tổng cầu: tiêu dùng, đầu tư, chi tiêu chính phủ và xuất khẩu ròng.
- Công cụ để xác định mức sản lượng cân bằng khi chỉ tính đến ràng buộc về phía cầu là *đường tổng chi tiêu (Aggregate expenditure – AE)*.
- Thuật ngữ *Tổng chi tiêu* đề cập đến lượng hàng hóa và dịch vụ được sản xuất trong nước mà các tác nhân kinh tế sẵn sàng và có khả năng mua tại mỗi mức sản lượng.

# Đường tổng chi tiêu AE

- Ba đặc điểm:
  - Là đường dốc lên
  - Khi thu nhập tăng thêm 1 đơn vị, thì tổng chi tiêu cũng tăng, nhưng tăng ít hơn 1 đơn vị. Nguyên nhân là do người tiêu dùng tiết kiệm một phần thu nhập tăng thêm.
  - Ngay cả khi thu nhập quốc dân bằng không, thì tổng chi tiêu vẫn mang giá trị dương. Giá trị này thường được gọi là *chi tiêu tự định*.

# 1. Mô hình giao điểm Keynes





# 1. Mô hình giao điểm Keynes

- Vậy đường tổng chi tiêu và đường tổng cầu khác nhau như thế nào?

# 1. Mô hình giao điểm Keynes

## *1.1. Đồng nhất thức thu nhập – sản lượng*

- Đối với toàn bộ nền kinh tế, tổng thu nhập bằng tổng sản lượng
- Nếu  $Y$  biểu thị thu nhập quốc dân thì:

$$\text{GDP} \equiv \text{thu nhập quốc dân} \equiv Y$$

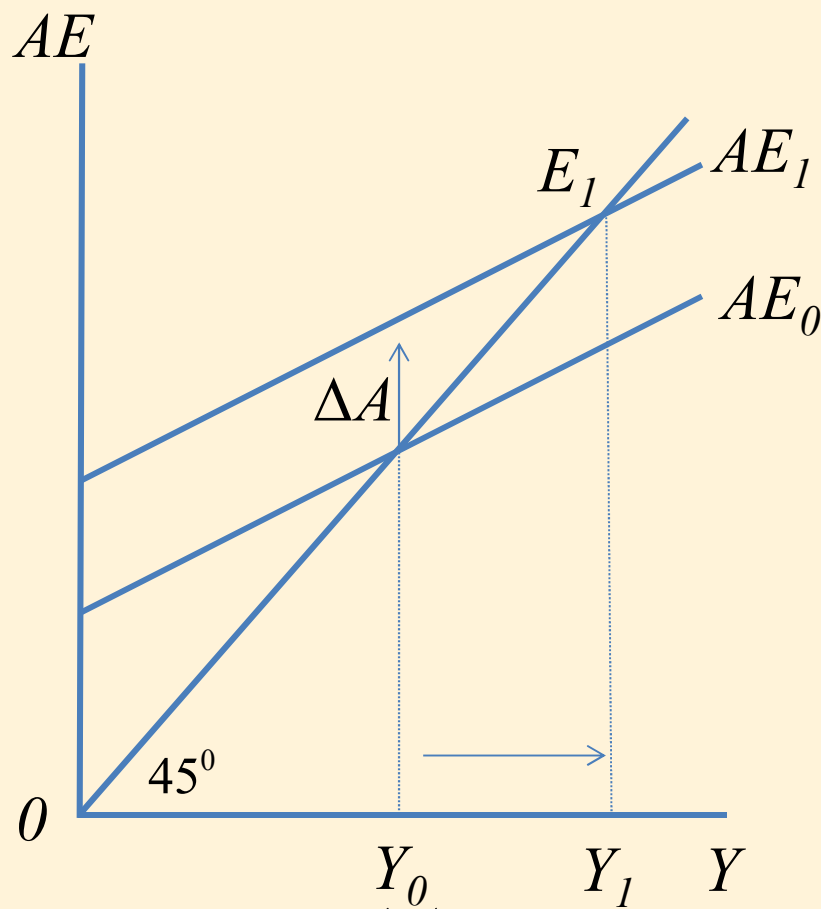
# 1. Mô hình giao điểm Keynes

## 1.2. Sản lượng cân bằng

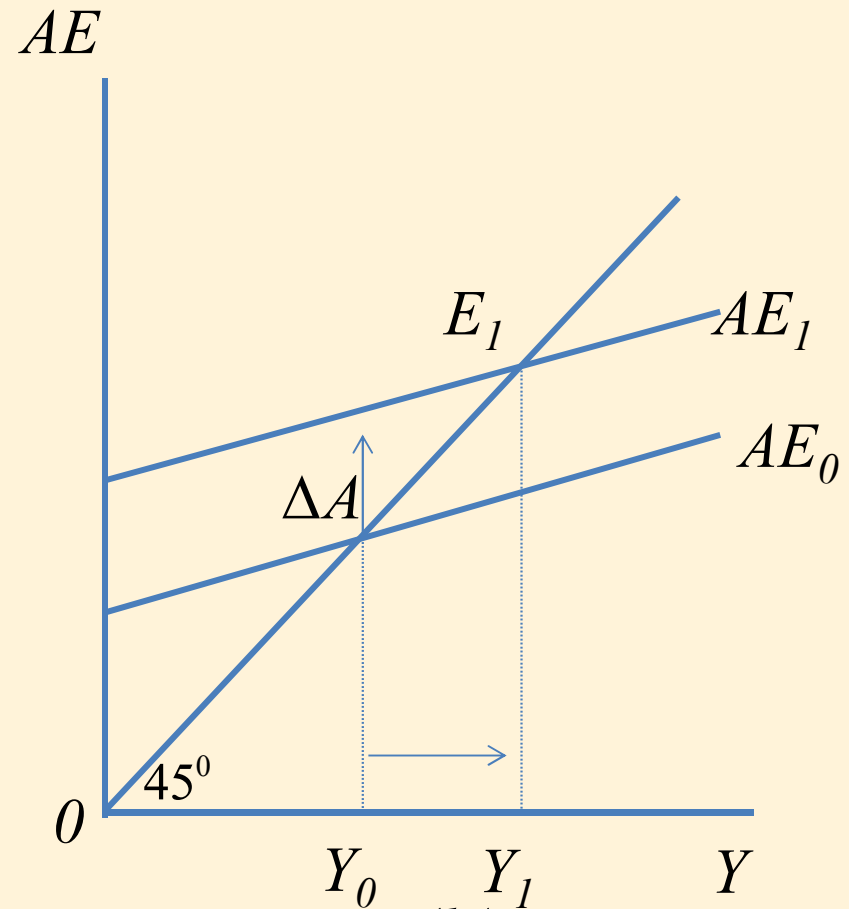
- $AE = GDP = Y$
- Trạng thái cân bằng đạt được tại điểm trên đường tổng chi tiêu thỏa mãn lượng tổng chi tiêu bằng mức sản lượng. Đó chính là giao điểm của đường tổng chi tiêu và đường  $45^0$ .
- Việc xác định thu nhập cân bằng trên cơ sở liên kết thu nhập (sản lượng) với tổng chi tiêu được gọi là *cách tiếp cận thu nhập – chi tiêu* hay *mô hình giao điểm Keynes*.

# 1. Mô hình giao điểm Keynes

## 1.3. Sự dịch chuyển của đường tổng chi tiêu



(a)



(b)

# 1. Mô hình giao điểm Keynes

- Sự gia tăng của sản lượng cân bằng lớn hơn so với sự thay đổi ban đầu của tổng chi tiêu là  $\Delta A$ .
- *Số nhân chi tiêu ( $m$ )* cho biết sự thay đổi của sản lượng cân bằng gây ra bởi sự thay đổi của một đơn vị trong tổng chi tiêu.

$$m = \frac{\Delta Y}{\Delta A} = \frac{Y_1 - Y_0}{\Delta A}$$

# 1. Mô hình giao điểm Keynes

## 1.4. Công thức tính sản lượng cân bằng

Phương trình biểu diễn đường tổng chi tiêu:

$$AE = A + \alpha Y \quad (1)$$

Trong đó  $A$ : chi tiêu tự định

$\alpha$ : độ dốc của đường tổng chi tiêu

$(0 < \alpha < 1)$

- Tại trạng thái cân bằng:  $AE = Y \quad (2)$

# 1. Mô hình giao điểm Keynes

## *1.4. Công thức tính sản lượng cân bằng*

- Thay (2) vào (1):

$$Y = A + \alpha Y$$

- Giá trị của Y tại trạng thái cân bằng:

$$Y = \frac{A}{1 - \alpha}$$

- Số nhân chi tiêu:

$$m = \frac{\Delta Y}{\Delta A} = \frac{1}{1 - \alpha}$$

# 1. Mô hình giao điểm Keynes

$$\Delta Y = m * \Delta A$$

→ Mức độ thay đổi của sản lượng cân bằng phụ thuộc vào 2 tham số:

- Mức độ thay đổi của tổng chi tiêu tự định  $\Delta A$
- Giá trị của số nhân chi tiêu  $m$



# 1. Mô hình giao điểm Keynes

Hai nguyên lý trung tâm của mô hình giao điểm Keynes:

- Sự dịch chuyển của đường tổng chi tiêu quyết định sự thay đổi mức sản lượng cân bằng của nền kinh tế.
- Sự thay đổi chi tiêu tự định có ảnh hưởng khuếch đại theo số nhân đến sản lượng cân bằng và giá trị của số nhân tăng lên khi đường tổng chi tiêu trở nên dốc hơn.

# 1. Mô hình giao điểm Keynes

Hai câu hỏi được đặt ra:

- Điều gì quyết định độ dốc của đường tổng chi tiêu?
- Điều gì làm cho đường tổng chi tiêu dịch chuyển?

## 2. Mô hình xác định sản lượng cho nền kinh tế giản đơn

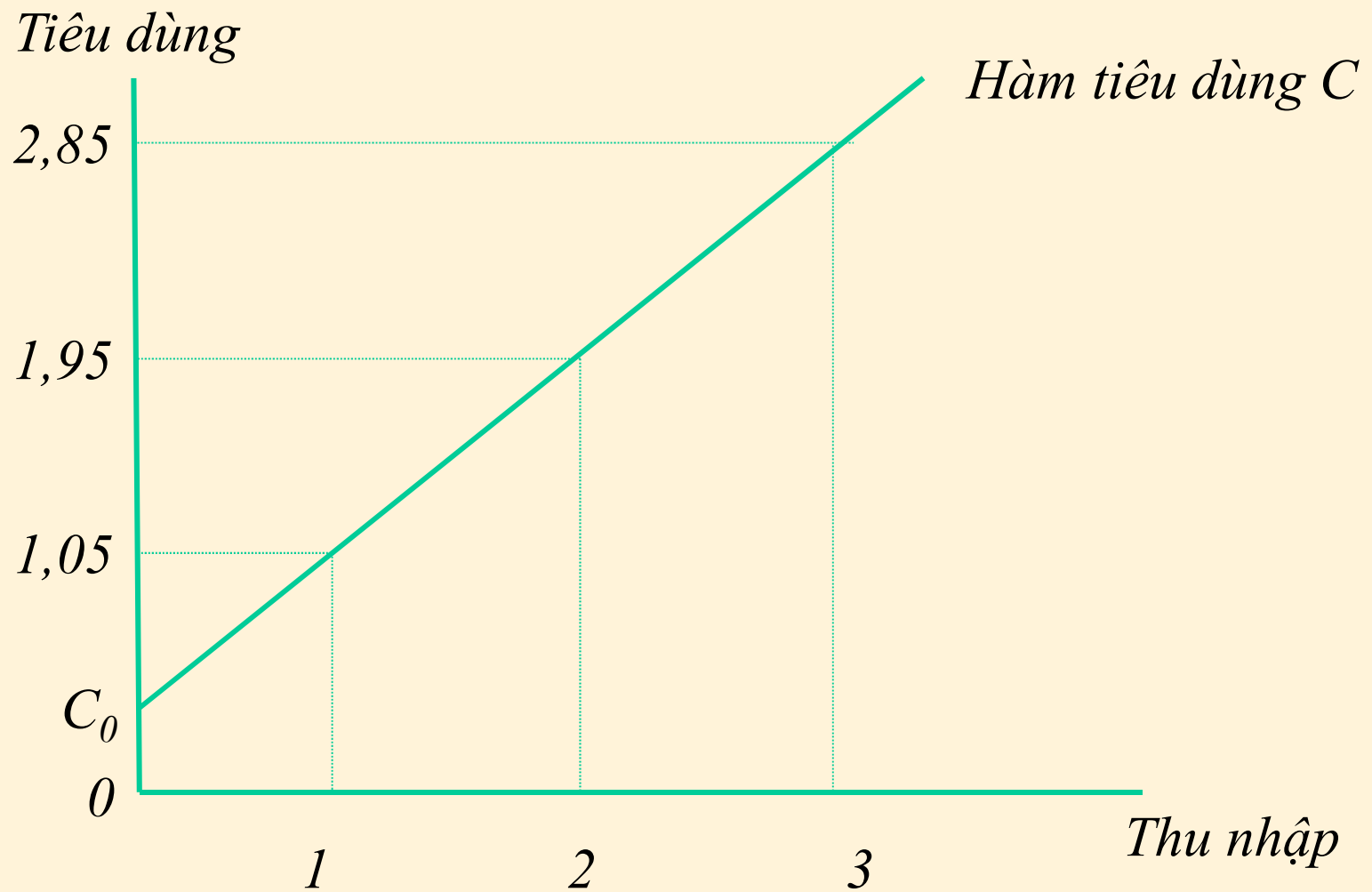
- Các thành tố của tổng chi tiêu:
  - C: chi tiêu cho tiêu dùng
  - I: chi tiêu đầu tư
  - G: chi tiêu chính phủ mua hàng hóa, dịch vụ
  - NX: xuất khẩu ròng
- $AE = C + I + G + NX$
- Chúng ta bắt đầu với một nền kinh tế giản đơn chỉ bao gồm hai khu vực là hộ gia đình và doanh nghiệp.

## 2.1. Tiêu dùng

- Nhân tố quan trọng nhất quyết định tiêu dùng là thu nhập
- Mối quan hệ giữa thu nhập và tiêu dùng

Thu nhập	Tiêu dùng
0,5	0,6
1,0	1,05
2,0	1,95
3,0	2,85

## 2.1. Tiêu dùng



## 2.1. Tiêu dùng

- Hàm biểu thị mối quan hệ giữa tiêu dùng và thu nhập khả dụng được gọi là *hàm tiêu dùng*.
- Trong kinh tế vĩ mô, chúng ta quan tâm tới hàm tổng tiêu dùng, tức là mối quan hệ giữa tổng tiêu dùng và tổng thu nhập.
- Thước đo thu nhập ở đây chính là *thu nhập khả dụng*  $Y_d$ , là phần thu nhập còn lại sau khi các hộ gia đình nộp thuế.
- Với giả thiết không có chính phủ, thu nhập khả dụng bằng thu nhập quốc dân ( $Y_d \equiv Y$ ).

## *Xu hướng tiêu dùng cận biên*

- Hàm tiêu dùng:

$$C = C_0 + MPC * Y_d$$

trong đó: C: tiêu dùng

$C_0$ : tiêu dùng tự định

MPC: xu hướng tiêu dùng cận biên

$Y_d$ : thu nhập khả dụng

## *Xu hướng tiêu dùng cận biên*

- Lượng tiêu dùng tăng thêm khi thu nhập khả dụng tăng thêm 1 đơn vị được gọi là *xu hướng tiêu dùng cận biên* (*Marginal Propensity to Consume – MPC*).
- Phần tiêu dùng không phụ thuộc vào thu nhập được gọi là *tiêu dùng tự định* (*autonomous consumption:  $C_0$* ).
- Cần phân biệt giữa sự trượt dọc (di chuyển) trên đường tiêu dùng và sự dịch chuyển của đường tiêu dùng.



## *Xu hướng tiết kiệm cận biên*

- Mức tiết kiệm bổ sung từ một đơn vị thu nhập khả dụng tăng thêm được gọi là *xu hướng tiết kiệm cận biên* (*Marginal Propensity to Save – MPS*).
- $MPC + MPS = 1$

## 2.2. Đầu tư

- Đầu tư thường được coi là có mối quan hệ ngược chiều với lãi suất thực tế.
- Giả định lãi suất được cho trước.
- Giả định mức đầu tư không liên quan đến mức thu nhập hiện tại của nền kinh tế.
- $I = I_0$

## 2.3. Sản lượng cân bằng

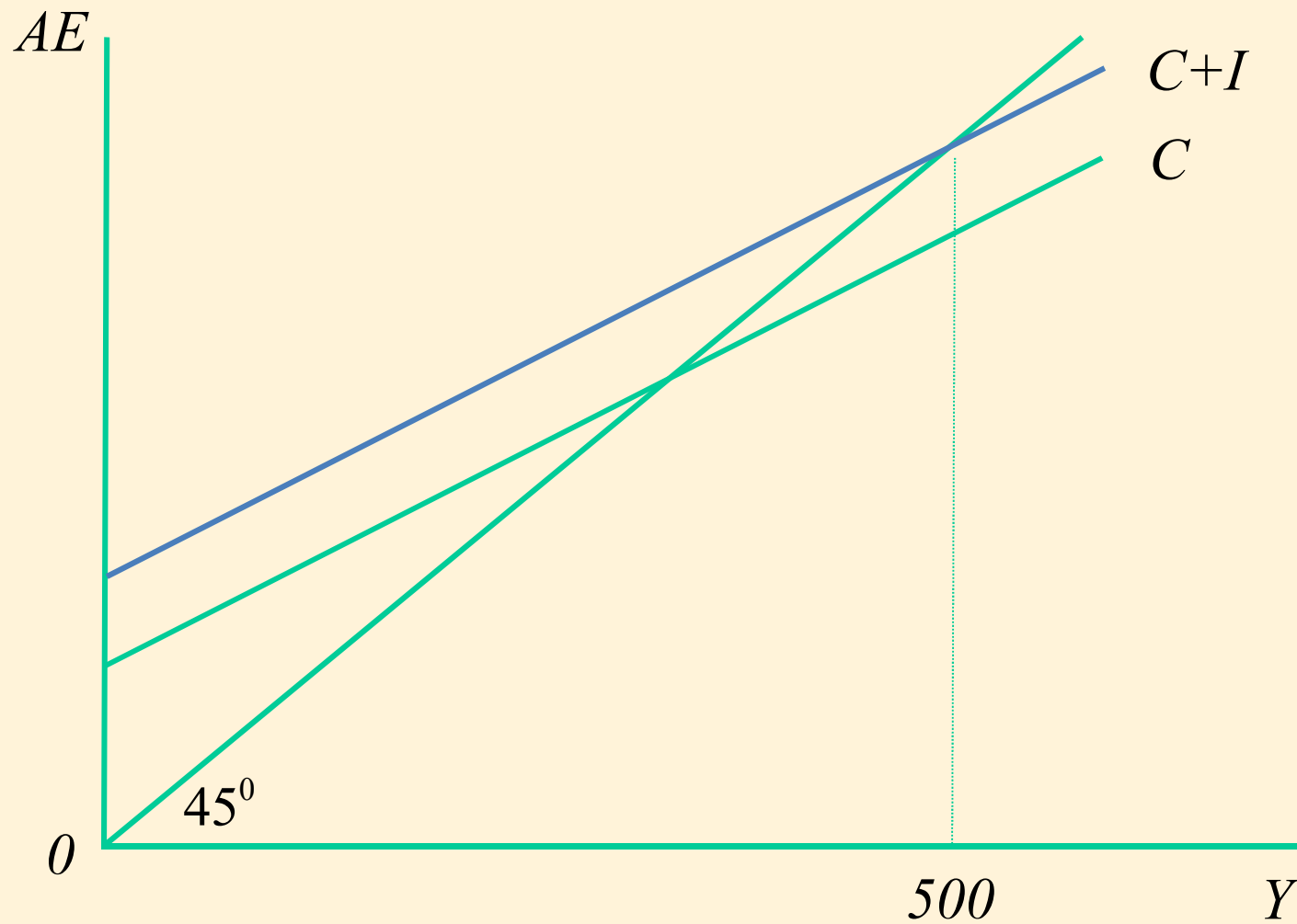
Ví dụ:

- $C = 25 + 0,9Y_d$
- Do không có chính phủ nên  $Y_d = Y$
- $I = I_0 = 25$  (tỷ đồng)
- Tổng chi tiêu  $AE = C + I$

## Các thành tố của tổng chi tiêu

Yd	C	I	Tổng chi tiêu
50		25	
100		25	
150		25	
200		25	
250		25	
350		25	
500		25	
750		25	

## 2.3. Sản lượng cân bằng



## 2.3. Sản lượng cân bằng

- Trạng thái cân bằng đạt được tại giao điểm giữa đường tổng chi tiêu và đường  $45^0$ , tại đó xác định mức thu nhập cân bằng là  $Y_1$  (=500 tỷ đồng)

## 2.3. Sản lượng cân bằng

Cách xác định mức thu nhập cân bằng khác:

- $Y = C + I$

- $\rightarrow Y - C = I$

- $\rightarrow S = I$

- Thị trường hàng hóa trong nền kinh tế giản đơn cân bằng khi tiết kiệm theo kế hoạch đúng bằng đầu tư theo kế hoạch.

## 2.4. Số nhân chi tiêu

- Điểm cốt lõi của mô hình giao điểm Keynes: sự dịch chuyển đường tổng chi tiêu có ảnh hưởng khuếch đại đến sản lượng.

- Sự thay đổi ban đầu của đầu tư = 1

Sự thay đổi tiêu dùng trong vòng hai = 0,9

Sự thay đổi tiêu dùng trong vòng ba =  $0,9^2$

Sự thay đổi tiêu dùng trong vòng bốn =  $0,9^3$

$$\Delta Y = (1 + 0,9 + 0,9^2 + 0,9^3 + \dots)$$

$$\Delta Y = \frac{1}{1 - 0,9} = 10$$



## 2.4. Số nhân chi tiêu

- Cách giải thích thứ hai:

$$Y = C_0 + MPC * Y + I_0 \rightarrow (1 - MPC) * Y = C_0 + I_0$$

- Gọi  $\Delta I$  là lượng thay đổi của đầu tư:

$$(1 - MPC) * (Y + \Delta Y) = C_0 + I_0 + \Delta I$$

$$\rightarrow \Delta Y = \frac{1}{1 - MPC} \Delta I$$

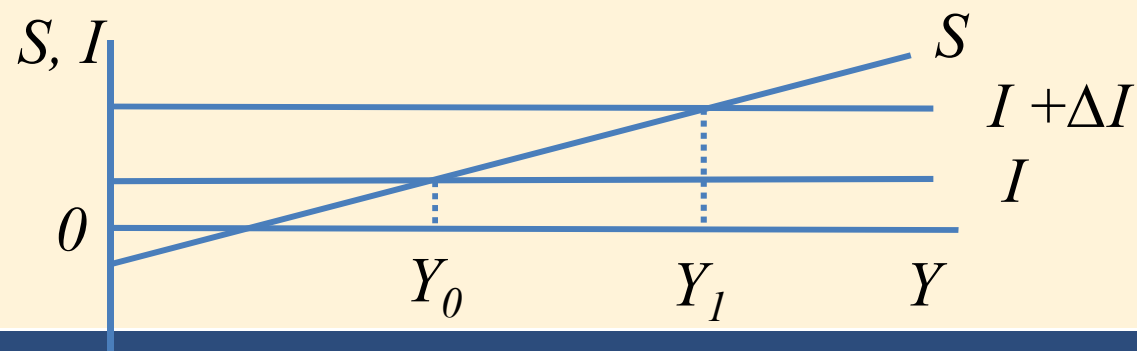
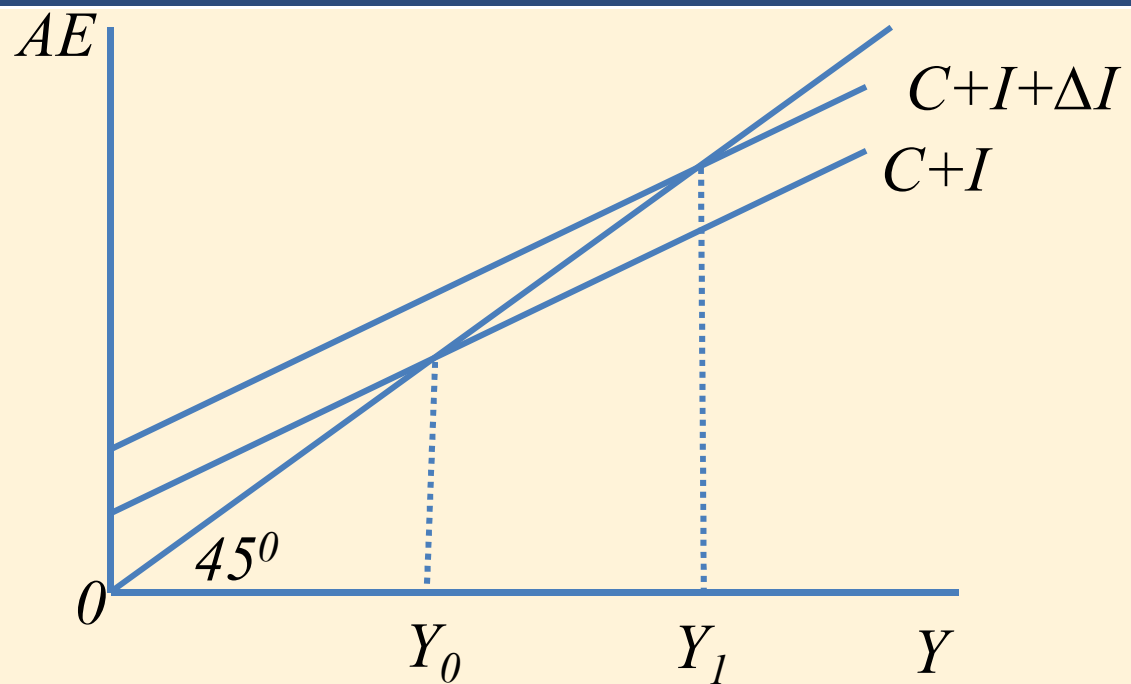
- Với  $\Delta I = 1$ ;  $MPC = 0,9 \rightarrow \Delta Y = \frac{1}{1 - 0,9} 1 = 10$

## 2.4. Số nhân chi tiêu

- Quá trình khuếch đại theo số nhân cũng hoạt động tương tự nhưng theo chiều ngược lại khi đầu tư giảm.
- $m = \frac{1}{1-MPC}$  được gọi là *số nhân chi tiêu*: Khi tổng chi tiêu tăng thêm 1 đơn vị thì thu nhập quốc dân cuối cùng sẽ thay đổi  $m$  đơn vị.

$$1-MPC=MPS \rightarrow m = \frac{1}{1-MPC} = \frac{1}{MPS}$$

## 2.4. Số nhân chi tiêu



### 3. Mô hình xác định sản lượng cho nền kinh tế đóng có chính phủ

- Hai cách chính phủ tác động đến nền kinh tế:
  - Chính phủ thu *thuế* ( $T_x$ ) và thực hiện các *khoản chuyển giao thu nhập* hay *trợ cấp* ( $T_r$ ). Chênh lệch giữa thuế và chuyển giao thu nhập được gọi là *thuế ròng* ( $T = T_x - T_r$ ).
  - *Chi tiêu cho hàng hóa và dịch vụ của chính phủ* ( $G$ ): *chi tiêu cho đầu tư, chi cho tiêu dùng*.

### 3. Mô hình xác định sản lượng cho nền kinh tế đóng có chính phủ

- Thu nhập khả dụng:  $Y_d = Y - T$
- 2 ảnh hưởng của thuế:
  - Thuế làm giảm thu nhập khả dụng, do đó làm giảm tiêu dùng. Thuế làm dịch chuyển đường tổng chi tiêu xuống phía dưới.
  - Khi mức thu thuế tỷ lệ thuận với thu nhập, thì số nhân trở nên nhỏ hơn. Độ dốc của đường tổng chi tiêu nhỏ hơn, đường tổng chi tiêu thoải hơn.

### 3. Mô hình xác định sản lượng cho nền kinh tế đóng có chính phủ

- Giả định chi tiêu chính phủ là cố định.
- Chi tiêu chính phủ làm đường tổng chi tiêu dịch chuyển lên trên.
- Tăng chi tiêu chính phủ có tác dụng kích thích nền kinh tế.

# Công thức tính sản lượng cân bằng và số nhân chi tiêu trong một nền kinh tế đóng có chính phủ

- Đường tổng chi tiêu:

$$AE = C + I + G = C_0 + MPC \times Y_d + I + G$$

với  $Y_d$ : thu nhập khả dụng

- $T = MPT \cdot Y$

$$\rightarrow Y_d = Y - T = (1 - MPT)Y$$

$$\rightarrow AE = C_0 + MPC(1 - MPT)Y + I + G$$

$$\rightarrow Y = C_0 + MPC(1 - MPT)Y + I + G$$

# Công thức tính sản lượng cân bằng và số nhân chi tiêu trong một nền kinh tế đóng có chính phủ

- Công thức tính sản lượng cân bằng:

$$Y = \frac{C_0 + I + G}{1 - MPC(1 - MPT)}$$

- Số nhân chi tiêu:

$$m' = \frac{1}{1 - MPC(1 - MPT)}$$



## 4. Mô hình xác định sản lượng cho nền kinh tế mở

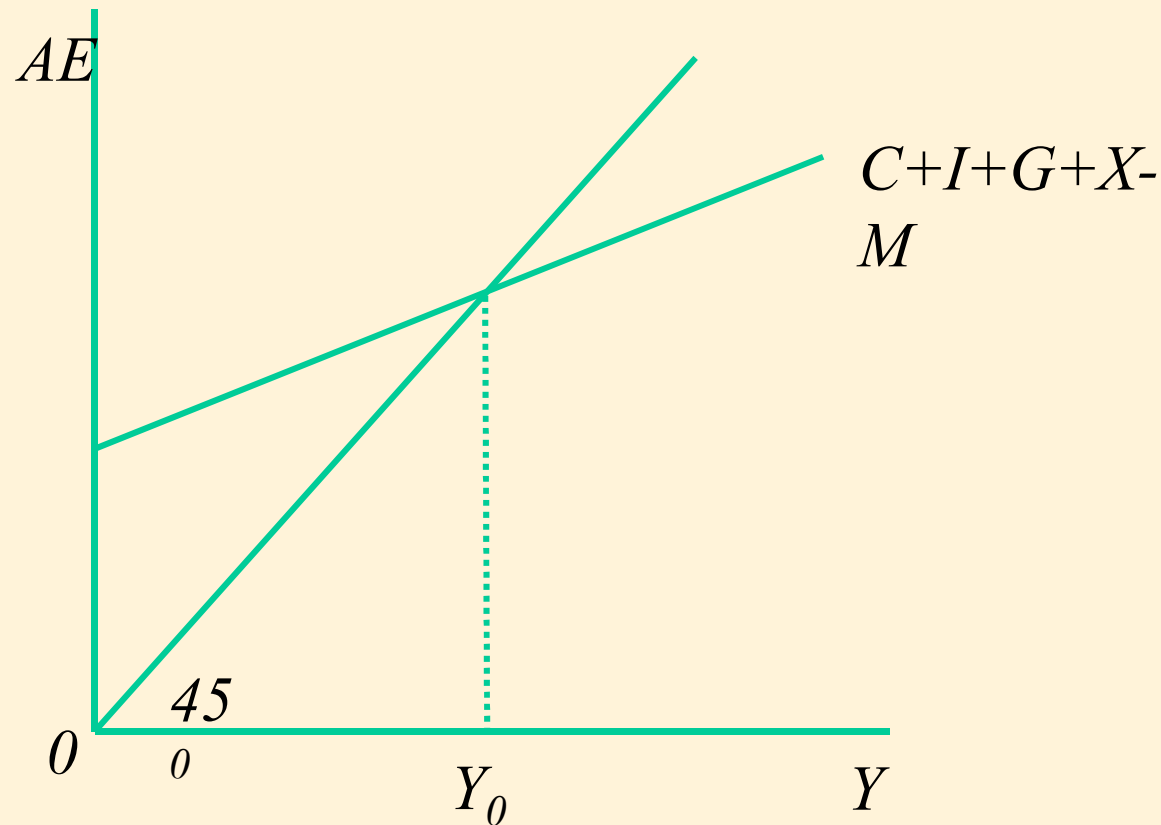
- Nhập khẩu:
  - Nhập khẩu tăng cùng với thu nhập.
  - Xu hướng nhập khẩu cận biên cho biết lượng nhập khẩu tăng thêm khi thu nhập tăng thêm 1 đơn vị.
- Xuất khẩu:
  - Giả định mức xuất khẩu là cho trước, cố định
  - Xuất khẩu ròng là chênh lệch giữa kim ngạch xuất khẩu và kim ngạch nhập khẩu.

## 4. Mô hình xác định sản lượng cho nền kinh tế mở

- Điều kiện cân bằng:  $Y=AE$
- Đường tổng chi tiêu bao gồm bốn thành tố:
  - Chi tiêu của hộ gia đình
  - Đầu tư
  - Chi tiêu của chính phủ
  - Xuất khẩu ròng

## 4. Mô hình xác định sản lượng cho nền kinh tế mở

- Cân bằng xuất hiện tại giao điểm của đường tổng chi tiêu và đường  $45^\circ$ .



# Công thức tính sản lượng cân bằng và số nhân trong một nền kinh tế mở

- $AE = C + I + G + X - M$
- Nhập khẩu được coi là tỷ lệ thuận với thu nhập quốc dân:

$$M = MPM \times Y$$

với MPM là xu hướng nhập khẩu cận biên

$$\rightarrow AE = C_0 + MPC \cdot (1 - MPT) \cdot Y + I + G + X - MPM \times Y$$

# Công thức tính sản lượng cân bằng và số nhân trong một nền kinh tế mở

- Tại trạng thái cân bằng, tổng chi tiêu bằng thu nhập:

$$Y = C_0 + MPC(1 - MPT)Y + I + G + X - MPM \times Y$$

- Thu nhập cân bằng:

$$Y = \frac{C_0 + I + G + X}{1 - MPC(1 - MPT) + MPM}$$

- Giá trị của số nhân:

$$m'' = \frac{1}{1 - MPC(1 - MPT) + MPM}$$

## 4. Mô hình xác định sản lượng cho nền kinh tế mở

- Số nhân trong nền kinh tế mở có giá trị nhỏ hơn nhiều so với trong điều kiện không có thương mại quốc tế.
- Khi thu nhập tạo ra trong một vòng sản xuất không được sử dụng để mua hàng hóa trong nước, các nhà kinh tế gọi là có sự rò rỉ.
  - Trong một nền kinh tế đóng có hai khoản rò rỉ là *tiết kiệm* và *thuế*.
  - Trong một nền kinh tế mở có ba khoản rò rỉ là *tiết kiệm*, *thuế* và *nhập khẩu*.

## 4. Mô hình xác định sản lượng cho nền kinh tế mở

- Tại điểm cân bằng, khoản rò rỉ (leakage) bằng với khoản bơm vào (injections).

- Với nền kinh tế đóng không có chính phủ:

$$S=I$$

- Với nền kinh tế đóng có chính phủ:

$$S+T=I+G$$

- Với nền kinh tế mở:

$$S+T+M=I+G+X$$

## 5. Chính sách tài khóa

- Hai chính sách ổn định quan trọng nhất trong các nền kinh tế thị trường hiện đại: chính sách tài khóa & chính sách tiền tệ
- 3 mục tiêu cơ bản của chính sách tài khóa & chính sách tiền tệ:
  - Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế
  - Tạo công ăn việc làm đầy đủ
  - Ổn định lạm phát ở mức hợp lý
- Chính sách tài khóa là những nỗ lực của chính phủ nhằm cải thiện thành tựu kinh tế vĩ mô thông qua thay đổi chi tiêu chính phủ và thuế.

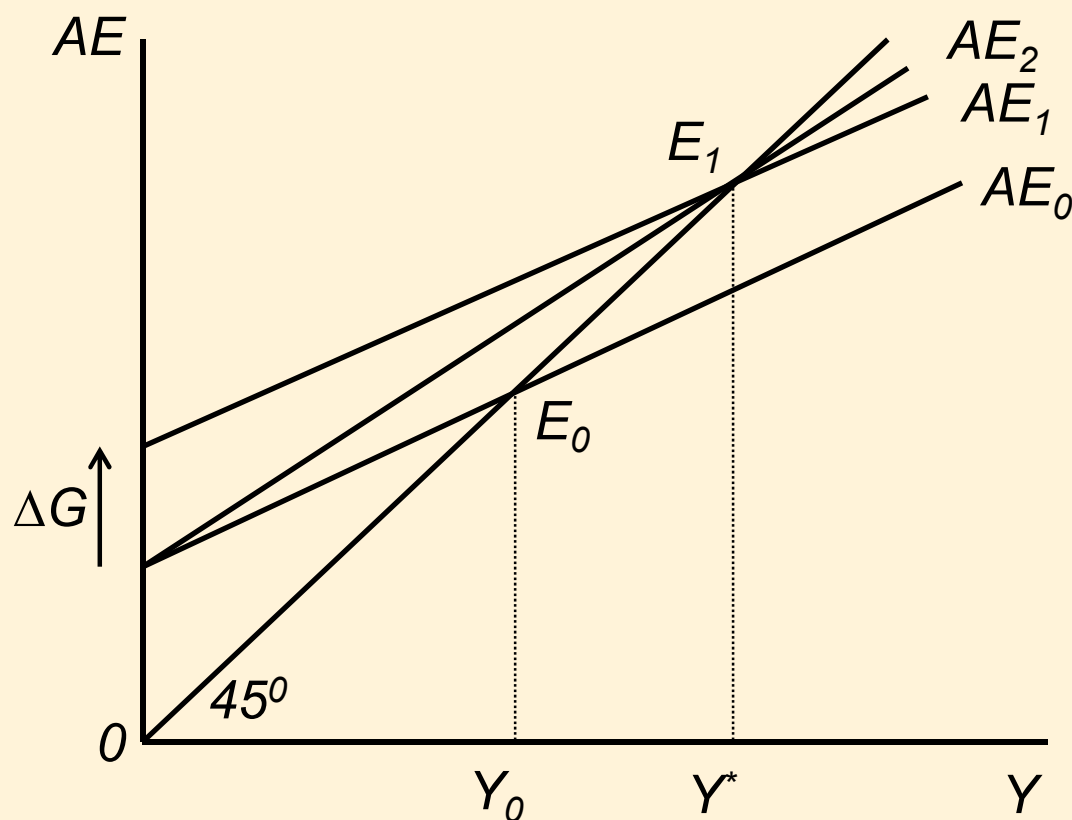


## 5.1. Chính sách tài khóa chủ động

- *Chính sách tài khóa mở rộng hay chính sách tài khóa lỏng.*
- *Chính sách tài khóa thắt chặt.*

# Chính sách tài khóa mở rộng

- Kích cầu thông qua tăng chi tiêu chính phủ hoặc giảm thuế suất.

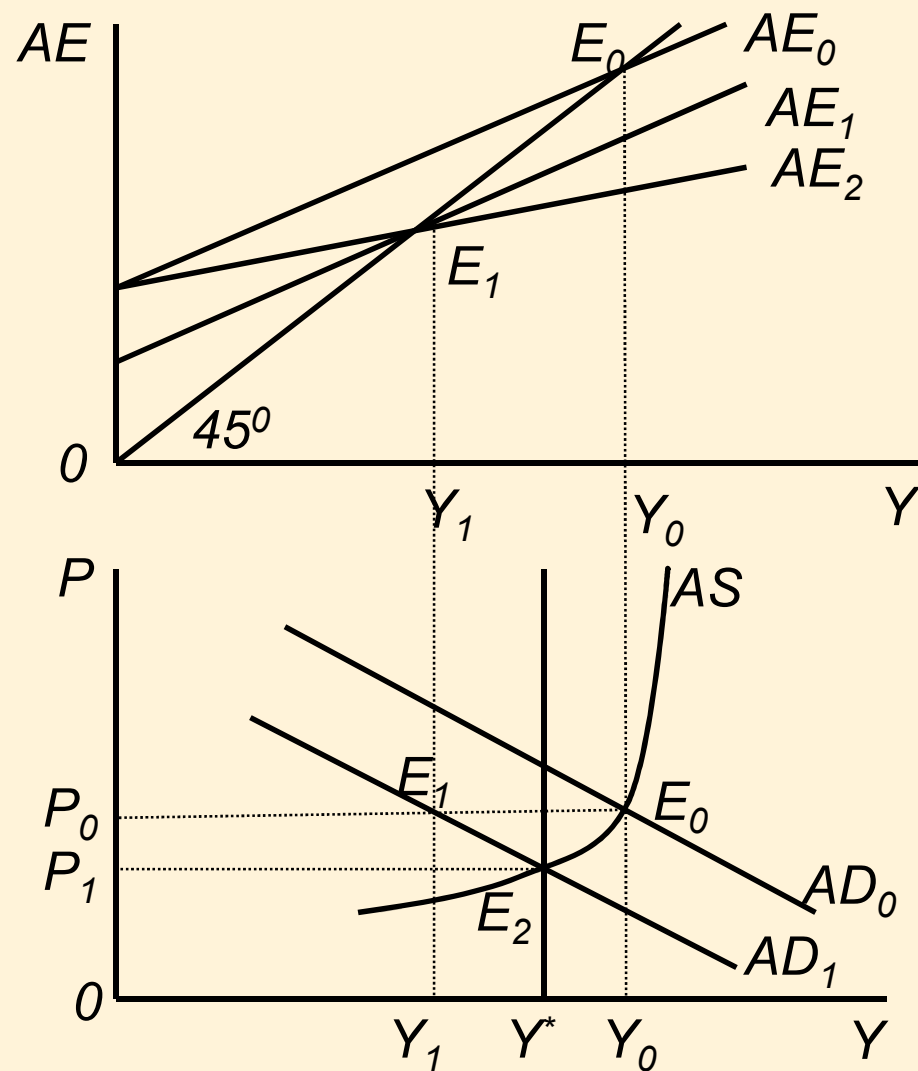


## Chính sách tài khóa thắt chặt

- Chính phủ cắt giảm tổng cầu để kiềm chế lạm phát: tăng thuế hoặc giảm chi tiêu ngân sách.
  - Giảm chi tiêu chính phủ làm dịch chuyển đường tổng chi tiêu xuống phía dưới từ  $AE_0$  đến  $AE_1$ .
  - Tăng thuế suất làm đường tổng chi tiêu xoay từ  $AE_0$  đến  $AE_2$ .

Tổng cầu dịch chuyển sang bên trái, lạm phát được kiềm chế.

# Chính sách tài khóa thắt chặt



## Chính sách tài khóa trong điều kiện có sự ràng buộc về ngân sách

- *Số nhân ngân sách cân bằng* phản ánh sự gia tăng của GDP khi cả chi tiêu chính phủ và thuế cùng tăng thêm 1 đơn vị để giữ cho cán cân ngân sách không thay đổi.
- Tăng thuế làm giảm thu nhập khả dụng và do đó làm giảm tiêu dùng tư nhân. Điều này gây lẫn át một phần ảnh hưởng mở rộng của việc tăng chi tiêu chính phủ.

# Chính sách tài khóa trong điều kiện có sự ràng buộc về ngân sách

*Mô hình cho một nền kinh tế đóng với thuế độc lập với thu nhập:*

- $AE = C + I + G = C_0 + MPC \times Y_d + I + G$

- $Y_d = Y - T_0$ ;  $I = I_0$ ;  $G = G_0$

$\rightarrow AE = C_0 - MPC \times T_0 + I_0 + G_0 + MPC \times Y$

- Tại trạng thái cân bằng:  $AE = Y$

$\rightarrow Y = C_0 - MPC \times T_0 + I_0 + G_0 + MPC \times Y$

$$\Rightarrow Y = \frac{C_0 - MPC * T_0 + I_0 + G_0}{1 - MPC} = \frac{C_0 + I_0 + G_0}{1 - MPC} - \frac{MPC}{1 - MPC} T_0$$

# Chính sách tài khóa trong điều kiện có sự ràng buộc về ngân sách

*Mô hình cho một nền kinh tế đóng với thuế độc lập với thu nhập:*

- Số nhân chi tiêu:

$$m = \frac{1}{1 - MPC}$$

- Số nhân thuế:

$$m_T = \frac{\Delta Y}{\Delta T_0} = \frac{-MPC}{1 - MPC}$$

- Số nhân ngân sách cân bằng:

?

## 5.2. Cơ chế tự ổn định

- *Cơ chế tự ổn định* đề cập đến những thay đổi trong ngân sách chính phủ có tác dụng kích thích tổng cầu khi nền kinh tế lâm vào suy thoái và cắt giảm tổng cầu khi nền kinh tế tăng trưởng quá nóng mà không cần bất kỳ sự điều chỉnh nào của các nhà hoạch định chính sách.
  - *Hệ thống thuế.* Vd: biểu thuế lũy tiến từng phần
  - *Chi tiêu của chính phủ*



## 5.3. Chính sách tài khóa và ngân sách chính phủ

- $BB \equiv (Tx - Tr) - G \equiv T - G$

Với BB: cán cân ngân sách (Budget balance)

Tx: tổng nguồn thu từ thuế

Tr: chuyển giao thu nhập (chi chuyển giao của chính phủ cho khu vực tư nhân)

G: chi tiêu chính phủ mua hàng hóa, dịch vụ

T: thuế ròng

- $T > G$ : thặng dư ngân sách
- $T < G$ : thâm hụt ngân sách
- $T = G$ : ngân sách cân bằng

## 5.3. Chính sách tài khóa và ngân sách chính phủ

- Bốn cách để tài trợ cho thâm hụt ngân sách chính phủ:
  - Vay tiền từ ngân hàng trung ương
  - Vay từ các ngân hàng thương mại
  - Vay ngoài ngân hàng
  - Vay nước ngoài hoặc giảm dự trữ quốc tế

## 6. Sản lượng tiềm năng và định luật Okun

a. Sản lượng tiềm năng  $Y_p$

- Tỷ lệ thất nghiệp tự nhiên
- Sản lượng tiềm năng: là mức sản lượng mà nền kinh tế đạt được tương ứng với tỷ lệ thất nghiệp tự nhiên & tỷ lệ lạm phát vừa phải (<10%).

## 6. Sản lượng tiềm năng và định luật Okun

### b. Định luật Okun

- “Khi mức sản lượng thực tế thấp hơn mức sản lượng tiềm năng 2% thì tỷ lệ thất nghiệp thực tế tăng thêm 1% so với tỷ lệ thất nghiệp tự nhiên”.

- $$u_t = u_n + \frac{Y_p - Y}{Y_p} \cdot \frac{1}{2} \cdot 100$$

$$\Leftrightarrow u_t = u_n + 50 \cdot \frac{Y_p - Y}{Y_p}$$

## 6. Sản lượng tiềm năng và định luật Okun

### b. Định luật Okun

- “Khi tốc độ tăng của sản lượng thực tế  $y$  (%) cao hơn tốc độ tăng của sản lượng tiềm năng  $p$  (%) là 2,5% thì thất nghiệp sẽ giảm bớt 1%”.

$$u_t = u_{t-1} - \frac{1}{2,5} \cdot (y - p)$$

$$\Leftrightarrow u_t = u_{t-1} - 0,4 \cdot (y - p)$$

## 6. Sản lượng tiềm năng và định luật Okun

- Ví dụ:
  - Có các số liệu ở một nền kinh tế năm 2013:
  - $u_n = 5\%$
  - $Y = 3760$  tỷ đ
  - $Y_p = 4000$  tỷ đ
- a. Tính mức thất nghiệp thực tế năm 2013.
- b. Mục tiêu chính phủ đặt ra là đến năm 2014 giảm bớt mức thất nghiệp 1,4% so với năm 2013. Hỏi tốc độ tăng của sản lượng thực tế năm 2014 & mức sản lượng thực tế năm 2014 phải đạt bao nhiêu để thực hiện mục tiêu trên. Biết
- $Y_p^{2014} = 4120$  tỷ đ.

## TÓM TẮT

- Mô hình giao điểm Keynes cho biết mức sản lượng cân bằng được xác định như thế nào khi nền kinh tế còn nhiều nguồn lực chưa được sử dụng và mức giá được giả thiết cố định.
- Sản lượng cân bằng được xác định tại giao điểm giữa đường  $45^0$  và đường tổng chi tiêu.
- Sự dịch chuyển của đường tổng chi tiêu gây ra sự thay đổi của sản lượng cân bằng. Mức độ tăng lên của sản lượng cân bằng gây ra bởi sự dịch chuyển lên trên của đường tổng chi tiêu phụ thuộc vào độ dốc của nó.

## TÓM TẮT

- Tổng chi tiêu bao gồm: tiêu dùng, đầu tư, chi tiêu chính phủ và xuất khẩu ròng.
- Tiêu dùng tăng khi thu nhập khả dụng tăng. Hàm mô tả mối quan hệ giữa thu nhập khả dụng và tiêu dùng được gọi là hàm tiêu dùng.
- Số nhân chi tiêu phản ánh mức thay đổi của sản lượng cân bằng gây ra bởi sự thay đổi 1 đơn vị trong chi tiêu tự định.



## TÓM TẮT

- Chi tiêu chính phủ làm tăng tổng chi tiêu và thuế làm giảm thu nhập khả dụng, giảm tiêu dùng, và do đó làm giảm tổng chi tiêu. Khi thuế tăng cùng với thu nhập, đường tổng chi tiêu trở nên thoải hơn và số nhân chi tiêu có giá trị nhỏ hơn.
- Xuất khẩu làm tăng tổng chi tiêu và nhập khẩu làm giảm tổng chi tiêu. Nhập khẩu tăng cùng với thu nhập, xuất khẩu được quyết định ngoại sinh không phụ thuộc vào mức thu nhập trong nước. Thương mại quốc tế làm cho đường tổng chi tiêu trở nên thoải hơn. Số nhân chi tiêu có giá trị nhỏ hơn.

## TÓM TẮT

- Đường tổng chi tiêu được sử dụng để xác định mức sản lượng cân bằng tại một mức giá nhất định. Khi mức giá tăng, đường tổng chi tiêu dịch chuyển xuống phía dưới, sản lượng cân bằng giảm.
- Các nhà hoạch định chính sách có thể tác động vào tổng cầu thông qua chính sách tài khóa. Sự gia tăng chi tiêu chính phủ hay cắt giảm thuế sẽ làm tăng tổng cầu. Ngược lại, việc cắt giảm chi tiêu chính phủ hay tăng thuế sẽ làm giảm tổng cầu.

## TÓM TẮT

- Các cơ chế tự ổn định góp phần bình ổn nền kinh tế mà không cần chính phủ phải điều chỉnh chính sách.
- Nhìn chung, quy tắc cân bằng ngân sách sẽ thủ tiêu hoạt động của các cơ chế tự ổn định, và do vậy làm cho nền kinh tế bất ổn hơn. Khi đó, mọi gánh nặng ổn định đều thuộc về chính sách tiền tệ.